

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày 18 - 8 - 2025

V/v: “*Tranh chấp QSD đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TỈNH BẮC NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Chung.

2. Ông Lương Văn Dương.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Lê Văn Khiết - Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2025/TLST-DS, ngày 01 tháng 07 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐST-DS ngày 04/8/2025 giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Tuấn H, sinh năm 1998. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn R, AL, BN.

- *Bị đơn:*

1/ Đinh Văn Th, sinh năm 1981.(Có mặt).

2/ Vi Thị L, sinh năm 1983.(Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn R, AL, BN.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Đỗ Thị H, sinh năm 1995. (Vắng mặt).

2/ Lò Thị Ng, sinh năm 2001.(Vắng mặt).

(Chị Đỗ Thị H, Lò Thị Ng ủy quyền cho anh Đỗ Tuấn H).

3/ Đinh Diệu Ch, sinh năm 2006. (Vắng mặt).

(Chị Đinh Diệu Ch, Vi Thị L ủy quyền cho anh Đinh Văn Th).

4/ Đỗ Văn Ch, sinh năm 1962. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

5/ Đỗ Thị Ch, sinh năm 1969. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

6/ Đỗ Thị C, sinh năm 1971. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

7/ Đỗ Văn L, sinh năm 1965. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

8/ Đỗ Thị Đ, sinh năm 1975. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

9/ Đỗ Thị Mùi, sinh năm 1979. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Đều chung địa chỉ: Thôn R, AL, BN.

10/ Nguyễn Thị C1, Sinh năm 1943. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã DH, Bắc Ninh.

11/ UBND xã An Lạc, tỉnh Bắc Ninh do anh Nguyễn Tuấn Anh Trưởng là đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Tuấn H đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của Đỗ Thị Huyền, Lò Thị Ng trình bày:

Anh là con đẻ bà Đỗ Văn Th1, sinh năm 1973 và mẹ Ngọc Thị H1, sinh năm 1973 (Bố mất năm 2016, mẹ mất năm 2020), bố mẹ anh sinh được hai chị em gồm Đỗ Tuấn H và Đỗ Thị H. Anh xác định gia đình anh có một diện tích đất lâm nghiệp gia đình anh trông nom quản lý, đến năm 2014 thì mẹ anh bà Ngọc Thị H1 được cấp GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00052 ngày 20/10/2014 mang tên mẹ anh Ngọc Thị H1, sau khi cấp GCNQSD đất xong gia đình nhận bàn giao đất thì gia đình anh trồng keo trên đất, anh đã phát hiện ra gia đình anh Th sử dụng sang phần đất gia đình anh được cấp GCNQSD đất, anh có nói chuyện nhưng gia đình anh Th không trả. Vì là làng xóm anh đề gia đình anh Th khai thác xong vụ keo thì sẽ yêu cầu gia đình anh Thằng trả lại đất. Đến năm 2024 gia đình anh Th khai thác xong keo thì anh tiếp tục đến nói chuyện yêu cầu gia đình anh Th trả đất nhưng gia đình anh Th không trả và tiếp tục trồng keo. Anh đã gửi đơn ra UBND xã An Lạc giải quyết nhưng không thành.

Tại đơn khởi kiện anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết buộc gia đình anh Đinh Văn Th, Vi Thị L phải trả lại diện tích đất rừng

sản xuất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh là 3.164 m². Sau khi thẩm định, đo đạc thực tế thì diện tích tranh chấp giữa gia đình anh và gia đình anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L = 3.890,6 m². Nay anh đề nghị Toà án Khu vực 5, Bắc Ninh giải quyết buộc gia đình anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L phải trả lại gia đình anh diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế = 3.890,6 m² đất rừng sản xuất vì diện tích đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ anh bà Ngọc Thị H1 và di ròi số cây keo trồng trên diện tích đất này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án cũng như tại phiên toà bị đơn anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L trình bày: Vợ chồng anh chị xác định nguồn gốc diện tích đất anh Đỗ Tuấn H khởi kiện = 3.890,6 m² là của vợ chồng anh chị được nhà nước chia từ tháng 4 năm 2012, gia đình anh trồng keo, đến năm 2014 được cấp GCNQSD đất, có sổ vào sổ cấp GCNQSD đất: BU691830, sổ vào sổ cấp GCNQSD CH 00051 cấp ngày 20/10/2014 mang tên chị Vi Thị L, phần đất gia đình anh được cấp GCNQSD đất giáp với đất nhà anh Đỗ Tuấn H, có ranh giới rõ ràng. Gia đình anh sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 2012, đến năm 2024 anh Đỗ Tuấn H khởi kiện gửi đơn ra UBND xã An Lạc giải quyết nhưng không thành.

Nay anh Đỗ Tuấn H tiếp tục khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 5, Bắc Ninh giải quyết buộc vợ chồng anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L phải trả diện tích đất rừng sản xuất theo kết quả đo đạc thực tế = 3.890,6m² vợ chồng anh không nhất trí. Vợ chồng anh đề nghị Tòa án xem xét đất nhà bà Hảo (Mẹ anh Hoàng) có chồng chéo nên đất của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động hay không và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho gia đình anh.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Chị Đỗ Thị H trình bày: Chị là con đẻ bà Đỗ Văn Th1, sinh năm 1973 và mẹ Ngọc Thị H1, sinh năm 1973 (Bố mất năm 2016, mẹ mất năm 2020), chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án việc em chị Đỗ Tuấn H khởi kiện đối với anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L đòi diện tích rừng lâm nghiệp. Chị xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do gia đình chị trông nom, quản lý từ trước năm 2014, đến năm 2014 được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên bà Ngọc Thị H1, nay em chị Đỗ Tuấn H khởi kiện đòi vợ chồng anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L diện tích đất rừng lâm nghiệp. Chị hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Do công việc bận chị ủy quyền cho anh Đỗ Tuấn H tham gia giải quyết vụ án từ đầu đến khi kết thúc vụ án.

2. Chị Lò Thị Ng trình bày: Chị là vợ anh Đỗ Tuấn H, chị kết hôn với anh Đỗ Tuấn H năm 2022. Theo chị được biết nguồn gốc diện tích đất anh Đỗ Tuấn H khởi kiện được cấp GCNQSD đất mang tên mẹ chồng Ngọc Thị H1 từ năm 2014 (mẹ chồng chị mất năm 2020), chồng chị gửi đơn ra UBND xã An Lạc giải quyết nhưng không thành. Do vậy chồng chị tiếp tục làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết, chị hoàn toàn nhất trí, do công việc bận chị ủy quyền cho chồng chị Đỗ Tuấn H tham gia giải quyết vụ án từ đầu đến khi kết thúc vụ án.

3. Bà Nguyễn Thị C1 trình bày: Bà là mẹ đẻ bà Ngọc Thị H1, sinh năm 1973 (Bà Hảo mất năm 2020), chồng bà Nguyễn Thanh Chát, sinh năm 1941 (mất năm 2006). Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án việc cháu Đỗ Tuấn H khởi kiện đối với anh Đinh Văn Th, bà Vi Thị L đòi diện tích rừng lâm nghiệp. Bà là người thừa kế của chị Hảo. Bà chỉ biết diện tích đất cháu bà khởi kiện được cấp GCNQSD đất mang tên con gái Ngọc Thị H1. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến bà. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử của Tòa án và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho cháu bà.

4. Những người liên quan anh Đỗ Văn Ch, Đỗ Thị Ch, Đỗ Thị C, Đỗ Văn L, Đỗ Thị Đ, Đỗ Thị Mùi đều trình bày: Anh chị là con đẻ ông Đỗ Văn Hồng và bà Nông Thị Thự. Ông Hồng, bà Thự sinh được 7 anh chị em gồm: Đỗ Văn Ch, Đỗ Thị Ch, Đỗ Thị C, Đỗ Văn L, Đỗ Thị Đ, Đỗ Thị Mùi, Đỗ Văn Th1 (Anh Thiú mất năm 2017, bố Đỗ Văn Hồng mất năm 1997, mẹ chúng tôi Nông Thị Thự mất năm 2023 (Mất sau anh Thiú). Chúng tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến diện tích đất anh Đỗ Tuấn H khởi kiện. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Các anh chị đều xin được từ chối tham gia các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử của Tòa án và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho anh Đỗ Tuấn H.

5. Chị Đinh Diệu Ch trình bày: Chị là con đẻ của anh Đinh Văn Th và chị Vi Thị L, chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án huyện Sơn Động về việc anh Đỗ Tuấn H khởi kiện bố mẹ chị. Chị xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp anh Hoàng khởi kiện được nhà nước giao cho bố mẹ chị, gia đình chị trồng keo trên đất, đến năm 2014 thì được cấp GCNQSD đất cho mẹ chị. Gia đình chị sử dụng ổn định diện tích đất này, có ranh giới rõ ràng, đến năm 2024 anh Đỗ Tuấn H khởi kiện, chị không nhất trí. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Do công việc bận chị ủy quyền cho bố đẻ Đinh Văn Th tham gia giải quyết vụ án.

6. UBND xã An Lạc do Nguyễn Tuấn Anh Trưởng là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sau khi xem xét hồ sơ cấp GCNQSD đất cho vợ chồng bà Ngọc Thị H1 (mẹ đẻ anh Đỗ Tuấn H) và chị Vi Thị L (Vợ anh Đinh Văn Th) và các tài liệu liên quan UBND xã An Lạc có ý kiến như sau:

Bà Ngọc Thị H1 được cấp GCNQSD đất tại thửa số: 44, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00052 ngày 20/10/2014 mang tên bà Ngọc Thị H1. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062. Diện tích theo GCNQSD đất: 5.793,7 m² (Địa chỉ thửa đất: Thôn Rõng, An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang).

Bà Vi Thị L được cấp GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất tại thửa số: 42, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD CH 00051 cấp ngày 20/10/2014 mang tên chị Vi Thị L. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062. Diện tích theo GCNQSD đất: 5.628,8 m².

Việc cấp GCNQSD đất cho bà Ngọc Thị H1 và bà Vi Thị L là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nguồn gốc, hình thể, bản đồ thửa đất được số hóa rõ ràng, không có sự chồng chéo GCNQSD đất giữa bà Ngọc Thị H1 và bà Vi Thị L.

Theo kết quả đo đạc thực tế của cơ quan đo đạc thì thấy:

Diện tích bà Vi Thị L được cấp GCNQSD đất: 5.628,8 m².

Diện tích bà Vi Thị L sử dụng thực tế: $5.628,8 \text{ m}^2 + 3.890,6 \text{ m}^2 = 9.519,4 \text{ m}^2$ (Bao gồm cả diện tích tranh chấp).

Diện tích bà Ngọc Thị H1 được cấp GCNQSD đất: 5.793,7 m².

Diện tích bà Ngọc Thị H1 do anh Đỗ Tuấn H là con đang sử dụng: 1.903,1 m². Thiếu 3.890,6 m² so với GCNQSD đất bà Hảo được cấp.

Diện tích tranh chấp giữa gia đình anh Đỗ Tuấn H và gia đình bà Vi Thị L: 3.890,6 m².

Diện tích đất tranh chấp 3.890,6 m² nằm trong GCNQSD đất tại thửa số: 44, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00052 ngày 20/10/2014 mang tên bà Ngọc Thị H1

- Việc tranh chấp là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao

Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên, do công việc bận ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 23/6/2025 xác định như sau:

- Xác định diện tích đất được cấp GCNQSD đất tại thửa số: 44, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00052 ngày 20/10/2014 mang tên bà Ngọc Thị H1. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062. Diện tích theo GCNQSD đất: 5.793,7 m² (Địa chỉ thửa đất: Thôn Rõng, An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang). Diện tích theo kết quả đo đạc thực tế: 5.793,7 m²

- Xác định diện tích được cấp GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất tại thửa số: 42, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD CH 00051 cấp ngày 20/10/2014 mang tên chị Vi Thị L. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062. Diện tích theo GCNQSD đất: 5.628,8 m². Diện tích theo kết quả đo đạc thực tế bà Vi Thị L đang sử dụng: 5.628,8 m² + 3.890,6 m² = 9.519,4 m².

- Xác định diện tích tranh chấp giữa gia đình anh Đỗ Tuấn H và gia đình bà Vi Thị L: 3.890,6 m².

- Xác định trên phần đất tranh chấp có trồng cây keo, đường kính gốc 2-5cm, mật độ trung bình 40 cây/100 m².

Tại biên bản định giá tài sản lập ngày 23/6/2025 xác định giá trị tài sản như sau:

Diện tích đất tranh chấp anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L đang sử dụng theo giá giao dịch tại địa phương = 3890,6m² x 14.000đ/m² = 54.468.400đ;

Giá trị tài sản trên đất tranh chấp: Trên đất tranh chấp có cây keo, đường kính gốc 2-5 cm, mật độ 40 cây/100 m². Có giá 15.000 đồng/01 cây = 23.343.600 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản tranh chấp là: 77.812.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Bắc Ninh tham gia phiên toà đã phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự tại phiên toà và đường lối giải quyết vụ án cụ thể sau:

+ Thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên toà đúng quy định của pháp luật: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

+ Điều luật áp dụng: Các Điều 4, Điều 5, Điều 101, Điều 135, Điều 166, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 138, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 257, Điều 260, Điều 261, Điều 264 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 156, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn H.

+ Buộc hộ anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L phải trả lại cho ông Đỗ Tuấn H diện tích đất rừng sản xuất = $3890,6\text{m}^2$, trị giá = 23.343.600 đồng; Trong giấy CNQSD đất của bà Ngọc Thị H1, được UBND huyện Sơn Động cấp GCNQSD đất tại thửa số: 44, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00052 ngày 20/10/2014. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062. (Địa chỉ thửa đất: Thôn Rõng, An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang; Kể từ 1/7/2025 là: Thôn Rõng, xã An Lạc, Bắc Ninh).

Ông Đỗ Tuấn H được sở hữu và sử dụng toàn bộ số cây keo trên diện tích đất $3890,6\text{m}^2$.

Buộc anh Đỗ Tuấn H phải trích trả trả cho hộ anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L giá trị cây bạch đàn trên diện tích đất $3890,6\text{ m}^2 = 23.343.600$ đồng.

+ Về chi phí thẩm định, định giá, kết quả trích đo: Buộc vợ chồng anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L phải trả lại cho anh Đỗ Tuấn H tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá và kết quả trích đo = 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

+ Án phí: Anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Toà án nhân dân Khu vực 5, Bắc Ninh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của người liên quan: Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn Anh Trưởng đại diện theo ủy quyền cho UBND xã An Lạc, bà Nguyễn Thị C1, anh Đỗ Văn Ch, Đỗ Thị Ch, Đỗ Thị C, Đỗ Văn L, Đỗ Thị Đ, Đỗ Thị Mùi đều xin vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và cho đến khi xét xử xong vụ án.

Chị Đỗ Thị H, Lò Thị Ng ủy quyền cho anh Đỗ Tuấn H; Chị Vi Thị L,

Đình Diệu Ch ủy quyền cho anh Đình Văn Th.

Căn cứ Điều 134; Điều 138 BLDS; Điều 85, Điều 227, Điều 228, Điều 229 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết theo quy định.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đỗ Tuấn H khởi kiện đòi quyền sử dụng đất đối với vợ chồng anh Đình Văn Th, chị Vi Thị L (Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Rõng, xã An Lạc, Bắc Ninh). Vụ án được hòa giải tại UBND xã An Lạc theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013 nhưng không thành, sau đó anh Đỗ Tuấn H tiếp tục khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động (Nay là Tòa Khu vực 5, Bắc Ninh giải quyết). Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 nên thuộc thẩm quyền giải quyết tại Toà án nhân dân Khu vực 5, Bắc Ninh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của cơ quan chuyên môn và những người liên quan khác.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Ngọc Thị H1 được cấp GCNQSD đất tại thửa số: 44, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00052 ngày 20/10/2014. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062; Bà Vi Thị L được cấp GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất tại thửa số: 42, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD CH 00051 cấp ngày 20/10/2014. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062 việc cấp GCNQSD đất cho bà Ngọc Thị Hảo và Vi Thị L là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền phù hợp với Điều 101, Điều 135 Luật đất đai năm 2013.

Hội đồng xét xử sau khi xem xét, đối chiếu các góc cạnh, sơ đồ diện tích đất được cấp cho bà Ngọc Thị H1, bà Vi Thị L, ý kiến của cơ quan chuyên môn xác định theo như kết quả đo đạc của công ty đo đạc thì diện tích tranh chấp = 3890,6 m² hiện nay anh Th, chị Liễu sử dụng nằm trong GCNQSD đất cấp cho bà Ngọc Thị H1. Do bà Hảo đã chết nên anh Đỗ Tuấn H cùng với những người thừa kế thứ nhất của bà Ngọc Thị H1 được sử dụng diện tích đất này (Những người thừa kế khác của bà Hảo đều nhất trí với ý kiến của anh Hoàng, không có ý kiến hay yêu cầu gì) nên anh Đỗ Tuấn H khởi kiện đòi vợ chồng Đình Văn Th, Vi Thị L phải trả lại diện tích đất anh = 3890,6 m² là có căn cứ chấp nhận phù hợp với Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Luật đất đai năm 2024; Điều 158; Điều 189 BLDS năm 2015.

Do hiện nay trên phần đất tranh chấp 3.890,6 m² gia đình anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L đã trồng cây keo theo tỷ lệ 40 cây/100 m², chưa đến thời kỳ thu hoạch trị giá = 23.343.600 đồng nếu di dời sẽ thiệt hại cho gia đình anh Th, chị Liễu. Để đảm bảo quyền lợi cho anh Đỗ Tuấn H và anh Th, chị Liễu do vậy cần giao cho hộ anh Đỗ Tuấn H được quyền sở hữu và sử dụng số cây keo này, buộc hộ anh Đỗ Tuấn H phải trả lại giá trị cây keo = 23.343.600 đồng trên diện tích đất 3890,6m² cho anh Th, chị Liễu là có căn cứ phù hợp với Điều 189; Điều 257; Điều 261; Điều 264 BLDS 2015.

[5] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Tuấn H là nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, còn đối với bị đơn vợ chồng Đinh Văn Th, chị Vi Thị L không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định. Nhưng vợ chồng anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L thuộc hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L.

[6] Chi phí tố tụng: Anh Đỗ Tuấn H đã phải tạm ứng chi cho việc thẩm định và định giá tài sản và kết quả trích đo = 13.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Tuấn H được chấp nhận nên buộc vợ chồng anh Đinh Văn Thăng, chị Vi Thị L phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá và kết quả trích đo = 13.000.000 đồng.

[7] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 138, Điều 158; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 257, Điều 261, Điều 264 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp Dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 155; Điều 156, Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 164; Điều 165, Điều 166; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Tuấn H.

1.1. Buộc hộ anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L phải trả lại cho anh Đỗ Tuấn H diện tích đất rừng sản xuất = $3890,6m^2$, trị giá = 23.343.600 đồng; Trong giấy CNQSD đất của bà Ngọc Thị H1, được UBND huyện Sơn Động cấp GCNQSD đất: tại thửa số: 44, khoảnh 59, có số vào sổ cấp GCNQSD đất: 00052 ngày 20/10/2014. Mục đích sử dụng: Rừng sản xuất. Thời hạn sử dụng: Tháng 12/2062. (Địa chỉ thửa đất: Thôn Rõng, An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang; Kể từ 1/7/2025 là: Thôn Rõng, xã An Lạc, Bắc Ninh). Có các góc cạnh cụ thể như sau:

Hộ anh Đỗ Tuấn H được sở hữu và sử dụng toàn bộ số cây keo trên diện tích đất $3890,6m^2$.

Buộc hộ gia đình anh Đỗ Tuấn H phải trích trả cho vợ chồng hộ anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L giá trị cây keo trên diện tích đất $3890,6 m^2 = 23.343.600$ đồng .

2. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L.

3. Chi phí tố tụng: (Chi phí cho hội đồng thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc): Buộc anh Đinh Văn Th, chị Vi Thị L phải trả cho anh Đỗ Tuấn H số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và kết quả trích đo = 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Phòng THA dân sự khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa